

Bản án số: 41/2023/HNGĐ- ST.

Ngày: 20/3/2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Khá;
2. Ông Vũ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST – HNGĐ ngày 10/10/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX - ST ngày 03/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST - HPT ngày 20/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị B - Sinh năm 1994."có mặt".

Nơi DKHKTT: Bản T 2, xã H T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Bản Xôm, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn T - Sinh năm 1996."vắng mặt".

Địa chỉ: Bản T 2, xã H T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/10/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị B (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tường sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 2016, đến ngày 18/5/2017 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tường.

2. Về con chung: Chị Bua khai vợ chồng có 01 con chung là: Quàng Đăng Khôi, sinh ngày 29/5/2017.

Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Khôi ở cùng với bố cho đến nay, nguyện vọng của tôi đồng ý cho anh Tường nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn *Quàng Văn T*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi báo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã Pá Khoang đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau tại gia đình bố mẹ chồng, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau, chị Bua đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Tướng vẫn ở nhà cùng với bố mẹ đẻ và con trai là Quàng Đăng Khôi ở Bản T 2, xã H T, huyện Đ B.

4. Án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị Phương, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bua xin ly hôn với anh Tướng, anh Tướng có hộ khẩu thường trú tại xã H T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Bua và anh Tướng kết hôn năm 2017, đến năm 2022 thì chị Bua khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bua và anh Tướng lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ tháng 02 năm 2021, từ đó cho đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Bua và anh Tướng đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Bua xác định tình cảm của mình đối với anh Tướng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Bua vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tướng. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Bua khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được,

nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bua và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Quảng Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Quảng Đăng Khôi, sinh ngày 29/5/2017.

Tại phiên tòa chị Bua có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Bua và anh Tường sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay cháu Khôi vẫn ở cùng với bố. Hiện nay chị Bua đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Tường không có ý kiến gì, **chị Bua thì có nguyện vọng là được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị Bua** và anh Tường đều có khả năng nuôi con chung, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ. Do từ khi chị Bua làm đơn xin ly hôn thì anh Tường không có ý kiến gì, không đến Tòa án theo thông báo và triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Bua và giao cháu Khôi cho chị Bua trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bua không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Bua được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn Quảng Văn T: Không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Quảng Văn T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bua và giao con chung là cháu Quàng Đăng Khôi, sinh ngày 29/5/2017 cho chị Bua trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Bua về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Điểm **đ** Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị B **được miễn** án phí dân sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã H T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Giàng A Khá

Lường Văn Lương

Vũ Văn Tám

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã H T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Giàng A Khá

Lường Văn Lương

Vũ Văn Tám

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã **Thanh Lương**;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Phan Thanh Bắc

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nông Trung Kiên

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm

